TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **338**/2021/DS-PT
Ngày: 12/4/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Bích Sơn

Bà Bùi Thị Kim Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/4/2021, ngày 12/4/2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 575/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6329/2020/QĐPT-DS ngày 15/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 743/2021/QĐ-PT ngày 19/01/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 797/2021/QĐPT-DS ngày 01/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Út N** – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Nhật Đ – sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P**

Địa chỉ: Tầng 5, CR3-05A, 109 T, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh L và bà Phạm Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Thu U (các ông bà có mặt).

Theo Văn bản ủy quyền số 09/2020/UQ-TGĐ ngày 10/7/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Anh T** – sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 24, ấp Th, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Út N

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn bà Trần Thị Út N trình bày:*

Ngày 14/12/2018, nguyên đơn bà Trần Thị Út N có *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* đối với sản phẩm bảo hiểm sau của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P *(sau đây gọi tắt là bảo hiểm)*: *"P Thịnh Vượng - quyền lợi bảo hiểm nâng cao"*. Quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm như sau:

- Quyền lợi nâng cao: Số tiền bảo hiểm là 1 tỷ đồng, phí bảo hiểm định kỳ là 9.010.000 đồng/kỳ/nửa năm, thời hạn đóng phí 12 năm, thời hạn 63 năm kể từ ngày 14/12/2018, ngày có hiệu lực là 14/12/2018;

- Quyền lợi tăng cường:

+ Tử vong và thương tật do tai nạn: Số tiền bảo hiểm là 2 tỷ đồng, phí bảo hiểm định kỳ là 358.000 đồng/kỳ/nửa năm, thời hạn đóng phí 03 năm, thời hạn 29 năm kể từ ngày 14/12/2018, ngày có hiệu lực là 14/12/2018;

+ Hỗ trợ chi phí nằm viện: Số tiền bảo hiểm là 400 triệu đồng, phí bảo hiểm định kỳ là 438.000 đồng/kỳ/nửa năm, được tái tục hàng năm, ngày có hiệu lực là 14/12/2018;

+ Bệnh hiểm nghèo: Số tiền bảo hiểm là 500 triệu đồng, phí bảo hiểm định kỳ là 1.083.000 đồng/kỳ/nửa năm, thời hạn đóng phí 03 năm, thời hạn 29 năm kể từ ngày 14/12/2018, ngày có hiệu lực là 14/12/2018;

- Quyền lợi bổ trợ: Bệnh hiểm nghèo đối với phụ nữ: Số tiền bảo hiểm là 500 triệu đồng, phí bảo hiểm định kỳ là 2.418.000 đồng/kỳ/nửa năm, thời hạn đóng phí 39 năm, thời hạn 39 năm kể từ ngày 14/12/2018;

Bà N đã đóng phí bảo hiểm kỳ đầu tiên theo là 16.748.000 đồng.

Ngày 14/12/2018, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P phát hành *"Giấy chứng nhận bảo hiểm"* P thịnh vượng – quyền lợi bảo hiểm nâng cao Hợp đồng bảo hiểm số 80034881" cho bà Trần Thị Út N.

Bà N xác định tại phần đánh dấu trả lời câu hỏi trong *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* ngày 14/12/2018 là do đại lý bảo hiểm là ông Lê Anh T tự đánh dấu trả lời vào ô *"không"* trong *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* này, tuy nhiên, bà N xác định chữ ký *"Út N"* và chữ viết *"Trần Thị Út N"* tại trang 6 của *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* là do bà N ký và viết.

Vào khoảng 10 giờ ngày 01/01/2019, bà N trong lúc sử dụng dao chặt dừa do bất cẩn nên đã chặt vào tay, hậu quả bà N bị đứt lìa ngón số I, tay trái, bà N phải vào Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy để điều trị thương tật từ ngày 01/01/2019 đến ngày 07/01/2019 xuất viện.

Ngày 09/01/2019, bà N có *"Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm"* gửi Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P.

Ngày 25/02/2019, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P có *"Thư thông báo kết quả giải quyết quyền lợi bảo hiểm"* gửi bà N, theo đó Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P từ chối thanh toán chi phí nằm viện với lý do: Sự kiện bảo hiểm xảy ra nằm trong thời gian loại trừ 30 ngày và bà N kê khai không đúng về thông tin hợp đồng bảo hiểm.

Ngày 17/4/2019, bà N tiếp tục nhận được văn bản trả lời của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P từ chối chi trả bảo hiểm cho bà N với lý do bà N khai không đúng thông tin nhân thân trong đơn yêu cầu bảo hiểm.

Do vậy, bà N khởi kiện bảo hiểm yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P chi trả quyền lợi bảo hiểm cho bà N như sau:

- Hỗ trợ chi phí nằm viện (400.000 đồng/ngày, bà N nằm viện điều trị 06 ngày): 2.400.000 đồng;

- Chi trả quyền lợi bảo hiểm do cụt 02 đốt ngón I bày tay trái do tai nạn là: 400.000.000 đồng.

Tổng cộng là 402.400.000 đồng.

Về số tiền phí bảo hiểm mà nguyên đơn đã đóng là 16.748.000 đồng, nguyên đơn không có ý kiến gì.

** Bị đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P trình bày:*

Bị đơn xác nhận về qúa trình tham gia và ký kết hợp đồng bảo hiểm số 80034881 với bà N như nguyên đơn trình bày.

Ngày 09/01/2019, bị đơn nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của bà N. Sau khi tiến hành xác minh, ngày 25/02/2019, bị đơn thông báo về giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho bà N, theo đó bị đơn từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm cho bà N và đồng thời chấm dứt toàn bộ hiệu lực hợp đồng đối với bà N, hoàn trả cho bà N tiền phí bảo hiểm bà N đã đóng là 16.748.000 đồng, số tiền này công ty đã chuyển trả cho bà N qua Ngân hàng nhưng bà N không đến nhận. Lý do bảo hiểm từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm cho bà N:

Thứ nhất: Về chi phí nằm viện từ 01/01/2019 đến 07/01/2019, số tiền là 2.400.000 đồng. Căn cứ vào Điều 1.8 của quy tắc và điều khoản của quyền lợi bảo hiểm hỗ trợ chi phí nằm viện quy định thời hạn loại trừ là 30 ngày tính từ ngày hiệu lực của hợp đồng, thời gian bà N nằm việc nằm trong thời gian loại trừ hợp đồng nên công ty từ chối chi trả.

Thứ hai: Về yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn số tiền 400.000.000 đồng

Tại câu 1 Mục D của *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* ngày 14/12/2018 với nội dung về *"Thông tin (các) hợp đồng liên quan"*, bà N đánh dấu vào ô *"Không"*.

Theo kết quả xác minh của bị đơn thì trước khi tham gia bảo hiểm tại bị đơn bà N còn tham gia bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm nhân thọ khác nhau, cụ thể: Công ty TNHH bảo hiểm H, Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ C, Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D, Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ S, Công ty TNHH M và Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ F. Do bà N vi phạm nghĩa vụ cung cấp cấp kê khai thông tin nên, căn cứ vào mục 1.3 Phần H của *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* ngày

14/12/2018 và Điều 5 quy tắc và điều khoản bảo hiểm, bị đơn không chấp nhận yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn số tiền 400.000.000 đồng theo yêu cầu của bà N.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Lê Anh T trình bày:*

Ông Tuấn trước đây là đại lý cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P.

Ngày 14/12/2018 bà N có *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* đối với sản phẩm bảo hiểm *"P thịnh vượng - quyền lợi bảo hiểm nâng cao"* của Công ty Cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P, khi đó ông là đại lý bảo hiểm tư vấn cho bà N để ký Hợp đồng bảo hiểm số 80034881 ngày 14/12/2018.

Bà N là người trực tiếp điền các thông tin vào *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* ngày 14/12/2018, do vậy, việc bà N cho rằng ông là người đánh dấu trả lời vào ô *"không"* trong phần trả lời các câu hỏi tại *"Đơn yêu cầu bảo hiểm"* ngày 14/12/2018 là không đúng.

Ông T xác định khi bà N ký Hợp đồng bảo hiểm số 80034881 ngày 14/12/2018, ông đã tư vấn, giải thích rõ và đầy đủ các quy tắc và điều khoản hợp đồng bảo hiểm cho bà N.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định.

**** Tại bản án số 243/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 19 Luật kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh T.

2. Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út N về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm số 80034881 ngày 14/12/2018 số tiền: Tiền hỗ trợ chi phí nằm viện là 2.400.000 đồng và chi trả quyền lợi bảo hiểm do cụt 02 đốt ngón I bày tay trái do tai nạn là: 400.000.000 đồng, tổng cộng là 402.400.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P hoàn trả lại cho bà Trần Thị Út N số tiền phí bảo hiểm là 16.748.000 đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Út N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.096.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.048.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0032525 ngày 02/6/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh lập, vậy, bà Trần Thị Út N còn phải nộp 10.048.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn bà Trần Thị Út N, Đơn kháng cáo đề ngày 29/9/2020, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn bà Trần Thị Út N do người đại diện theo ủy quyền ông Dương Nhật Đ trình bày: Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P do người đại diện theo ủy quyền ông Cao Thanh L và bà Phạm Thị Thùy D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí đi lại và tiền phí bảo hiểm số tiền là 30.000.000 đồng cho bà Út N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Út N trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Anh T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa phúc thẩm, không rõ lý do, dù được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn chi trả quyền lợi bảo hiểm do cụt 02 đốt ngón I bày tay trái do tai nạn là: 400.000.000 đồng:

[3.1.1] Xét Biên bản về việc vô ý xảy ra tai nạn lao động do Công an xã H, huyện C, tỉnh T lập ngày 01/01/2019 ghi nhận vào khoảng 10 giờ 25 phút ngày 01/01/12019 bà N có dùng 01 con dao chặt dừa, do bất cẩn trong lúc chặt dừa bà N đã chặt vào tay, hậu quả là bà N bị đứt ngón I bàn tay trái, gia đình đã đưa bà N vào Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang để điều trị. Căn cứ

Giấy chứng nhận thương tích số 09/CN-BV do Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy cấp ngày 09/01/2019 xác định: *"Lý do vào viện: Vết thương đứt lìa ngón I bàn tay trái; Chẩn đoán: Vết thương đứt lìa ngón I tay trái, khai do tai nạn sinh hoạt"*. Ngày 09/01/2019, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Ngày 25/02/2019, bị đơn có Thư thông báo kết quả giải quyết quyền lợi bảo hiểm gửi nguyên đơn, theo đó từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm cho nguyên đơn và chấm dứt hiệu lực toàn bộ đối với Hợp đồng bảo hiểm số 80034881. Điều kiện loại trừ trách nhiệm bảo hiểm tại khoản 2 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm và chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

[3.1.2] Tại Đơn yêu cầu Bảo hiểm số 00095533 ngày 14/12/2018 do bà N kê khai và ký, tại phần D "THÔNG TIN CÁC HỢP ĐỒNG LIÊN QUAN", Mục 1 với câu hỏi: *"Hiện nay, Ông/Bà có đang được bảo hiểm hoặc đang yêu cầu bảo hiểm ở các công ty bảo hiểm nhân thọ, kể cả Công ty CPBHNT P không? Nếu có, vui lòng liệt kê các hợp đồng bảo hiểm*" thì bà N trả lời là "Không". Nguyên đơn cho rằng đây là do ông Lê Anh T tự đánh dấu trả lời chứ bà N không đánh vào các câu trả lời này. Tuy nhiên, ông Lê Anh T xác định bà N là người trực tiếp điền các thông tin vào "Đơn yêu cầu bảo hiểm" ngày 14/12/2018. Xét nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh cho lời trình bày này của mình nên căn cứ Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của nguyên đơn.

[3.1.3] Ngoài ra, căn cứ tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, lời xác nhận của nguyên đơn, thì trước khi ký hợp đồng bảo hiểm số 80034881 ngày 14/12/2018 với bị đơn, bà N đã tham gia ký kết 06 Hợp đồng bảo hiểm tại 06 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ khác nhau, cụ thể: Ngày 29/4/2018, ký hợp đồng bảo hiểm số 2589649 với Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D; Ngày 12/11/2018, ký hợp đồng bảo hiểm số 180002131624008PUL2A với Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ C; Ngày 27/11/2018, ký hợp đồng bảo hiểm số 0003235497 Công ty TNHH bảo hiểm H; Ngày 27/11/2018, ký hợp đồng bảo hiểm số 3070935 với Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ F; Ngày 30/11/2018, ký hợp đồng bảo hiểm số 2881110868 với Công ty TNHH M; Ngày 30/11/2018, ký hợp đồng bảo hiểm số 8000997169 với Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ S.

Tại Mục 2 phần C "Giấy yêu cầu bảo hiểm" ngày 28/11/2018 tại Công ty TNHH bảo hiểm H, Mục 11a Phần c "Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm" tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ C; Mục 4 "Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ" tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ S; Mục 25 Phần D "Đơn yêu cầu bảo hiểm nhân thọ" tại Công ty TNHH M thì bà N trả lời là "Không" đang, đã tham gia vào bảo hiểm nhân thọ vào các doanh nghiệp bảo hiểm khác.

Tại đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 09/01/2019, có nội dung câu hỏi "Người xảy ra sự kiện bảo hiểm có được bảo hiểm bởi công ty khác không?" thì nguyên đơn đánh dấu vào ô trả lời "Không".

Do đó, có cơ sở xác định nguyên đơn cung cấp thông tin không đầy đủ, không trung thực khi tham gia bảo hiểm.

[3.1.4] Có thể thấy trong một khoảng thời gian ngắn, nguyên đơn đã ký 06 hợp đồng bảo hiểm tại 06 Doanh nghiệp Bảo hiểm khác nhau, mặc dù pháp luật không hạn chế việc cá nhân tham gia nhiều hợp đồng bảo hiểm trong cùng một khoảng thời gian và việc nguyên đơn tham gia bảo hiểm hoàn toàn do ý chí tự nguyện chủ động từ phía nguyên đơn. Tuy nhiên, xét thấy nguyên đơn khai báo không trung thực, không đầy đủ thông tin khi giao kết cũng như trong quá trình phát sinh sự kiện bảo hiểm, đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm giữa các bên, vi phạm quy định pháp Luật kinh doanh bảo hiểm về nghĩa vụ cung cấp thông tin, do vậy, bị đơn từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm và chấm dứt hiệu lực toàn bộ hợp đồng là có căn cứ theo khoản 1, 3, 5 và 7 của Mục H "CAM KẾT" của "Đơn yêu cầu bảo hiểm" ngày 14/12/2018; Điều 5 Bản Quy tắc và Điều khoản sản phẩn bảo hiểm liên kết chung; Điểm b Khoản 2 Điều 18 của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định về nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chi trả quyền lợi bảo hiểm do cụt 02 đốt ngón I bày tay trái do tai nạn là: 400.000.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn chi trả tiền hỗ trợ chi phí nằm viện theo thỏa thuận trong hợp đồng là 400.000 đồng/ngày, nguyên đơn nằm viện điều trị 06 ngày: 06 ngày x 400.000 đồng/ngày = 2.400.000 đồng;

Căn cứ "Giấy chứng nhận bảo hiểm" P thịnh vượng – quyền lợi bảo hiểm nâng cao Hợp đồng bảo hiểm số 80034881 ngày 14/12/2018 thì hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực từ ngày 14/12/2018; Khoản 1.8 Điều 1 của "Điều khoản của quyền lợi bảo hiểm tăng cường bảo hiểm hỗ trợ chi phí nằm viện" quy định thời hạn loại trừ bảo hiểm là 30 ngày, tính từ ngày hiệu lực của Quyền lợi bảo hiểm tăng cường. Ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm là 01/01/2019 là nằm trong thời hạn loại trừ bảo hiểm. Mặt khác, như đã nhận định do nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, bị đơn từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm và chấm dứt toàn bộ hiệu lực hợp đồng bảo hiểm là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chi trả tiền hỗ trợ chi phí nằm viện là 2.400.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Nguyên đơn cho rằng khi giao kết hợp đồng bảo hiểm thì bị đơn không giải thích rõ đúng và đầy đủ các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Xét, tại văn bản "Xác nhận đã nhận bộ hợp đồng bảo hiểm ngày 26/12/2018, bên mua bảo hiểm xác nhận: "*Đã nhận được bộ hợp đồng bảo hiểm bản chính từ Đại lý Lê Anh T. Tôi được nghe Đại lý giải thích rõ và đầy đủ qui tắc và điều khoản hợp đồng bảo hiểm. Tôi cũng đọc và hiểu rõ các qui tắc và Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm của (các) sản phẩm mà tôi đã được Công ty chấp nhận bảo hiểm*" Ông Lê Anh T (đại lý bảo hiểm) xác định khi bà N ký Hợp đồng bảo hiểm số 80034881 ngày 14/12/2018, ông đã tư vấn, giải thích rõ và đầy đủ các quy tắc và điều khoản hợp đồng bảo hiểm cho bà N. Ngoài ra Điều 4 của Bản Quy tắc và Điều khoản sản phẩn bảo hiểm liên kết chung quy định "*thời gian cân nhắc"* thì trong vòng 21 ngày bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tham gia bảo hiểm. Như vậy, nguyên đơn đã có thời gian để đọc và nghiên cứu các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng để bổ sung, thay đổi các nội dung thông tin cần thiết cũng như cân nhắc quyết

định có tiếp tục hay hủy bỏ hợp đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận nguyên đơn đã nhận hợp đồng nhưng không đọc hết, việc nguyên đơn không đọc hết các điều khoản trong hợp đồng, không thắc mắc gì là do lỗi và ý chí chủ quan từ nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu hậu quả.

[3.4] Đối với số tiền phí bảo hiểm mà nguyên đơn đã đóng là 16.748.000 đồng, tại phiên toà sơ thẩm bị đơn tự nguyện hoàn trả cho nguyên đơn, đại diện nguyên đơn đồng ý nhận lại số tiền phí này, nên Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này là có căn cứ, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng là tiền chi phí đi lại và tiền phí bảo hiểm.

[3.5] Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử có đủ cơ sở không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3.7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 293; Điều 296; Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 18, Điều 19 Luật kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Út N trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 243/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út N về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm số 80034881 ngày 14/12/2018 số tiền: Tiền hỗ trợ chi phí nằm viện là 2.400.000 đồng và chi trả quyền lợi bảo hiểm do cụt 02 đốt ngón I bày tay trái do tai nạn là 400.000.000 đồng, tổng cộng là 402.400.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ P hoàn trả lại cho bà Trần Thị Út N số tiền phí bảo hiểm và hỗ trợ chi phí đi lại là 30.000.000 đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Út N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.096.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.048.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0032525 ngày 02/6/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Bà Trần Thị Út N còn phải nộp 10.048.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Út N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0041563 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp chủ động thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (trường hợp thi hành theo đơn yêu cầu) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Hiền